TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 58/2023/HS-ST Ngày 28-11-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R,TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;

2. Ông Bùi Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R (điểm cầu trung tâm) và Nhà tạm giữ Công an thành phố R (điểm cầu thành phần), tiến hành xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2023/TLST-HS, ngày 19 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Q, sinh ngày 01/01/1983 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm W, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn T, sinh năm 1958 và bà Phùng Y, sinh năm 1962 (chết); vợ: Hồ U, sinh năm 1995; con: 03 người (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền sự: Chưa có; tiền án: Ngày 05/8/2015, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2017; tạm giữ: Ngày 07/9/2023; tạm giam: Từ ngày 10/9/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố R, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Ông Hồ A, sinh năm 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm S, phường D, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần H, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 2, phường Z, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Lâm X, sinh năm 1967 (vắng mặt);

2. Anh Đinh C, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm 3, phường Z, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Lê V, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 1, phường Z, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Võ B, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm Z A, phường An Lộc, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

Tại điểm cầu trung tâm , gồm có : Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên và Thư ký phiên tòa, bị hại Hồ A.

Tại điểm cầu thành phần, gồm có: Bị cáo Nguyễn Q, cán bộ hỗ trợ tư pháp: Ông Lê Trung Hiếu và Ông Đinh Văn Chưởng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 04/02/2018, Nguyễn Q đến kho bia Thành Công tại khóm 5, phường Z, thị xã R (nay là thành phố R) để làm thuê. Do có ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài nên Q đã lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-228.24 của ông Hồ A, sinh năm 1967, ngụ ấp An Lợi, xã D, thị xã R (nay là khóm An Lợi, phường D, thành phố R), cùng làm thuê trong kho bia Thành Công. Sau đó Q điều khiển xe mô tô vừa trộm được đến khóm 2, phường Z cầm cho tiệm cầm đồ "Nhanh" do chị Trần H làm chủ với giá 11.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Sau khi bị mất trộm tài sản, ông Hồ A đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Đến ngày 30/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã R (nay là Công an thành phố R), khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Q về tội trộm cắp tài sản nhưng Q bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 07/9/2023 Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R đầu thú.

- Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-228.24, nhãn hiệu Honda, màu đỏ-đen, số máy JA36E0419592, số khung 3654GY005302, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 66H1-

228, do Hồ A, sinh năm 1967, đứng tên; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ A, sinh năm 1967. Đăng ký thường trú: ấp An Lợi, xã D, thị xã R, tỉnh Đồng Tháp; 01 (một) giấy cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Nhanh, địa chỉ: phường Z, thị xã R, tỉnh Đồng Tháp, nội dung trên giấy người tên Q cầm một xe biển số 66H1-228, giá 11.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Hồ A 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-228.24, nhãn hiệu Honda, màu đỏ-đen, số máy JA36E0419592, số khung 3654GY005302, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 66H1-228, do Hồ A, sinh năm 1967, đứng tên; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ A, sinh năm 1967. Đăng ký thường trú: ấp An Lợi, xã D, thị xã R, tỉnh Đồng Tháp.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐG, ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã R (nay là thành phố R), kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-228.24, nhãn hiệu Honda, màu đỏ-đen, số máy JA36E0419592, số khung 3654GY005302, giá trị thực tế là 14.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hồ A không yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần H yêu cầu Nguyễn Q bồi thường số tiền 11.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Q đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 61/CT-VKSTPHN, ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Q về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Q đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Q về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đối với việc bà Trần H cầm xe mô tô biển số 66H1-228.24, nhãn hiệu Honda, màu đỏ-đen, số máy JA36E0419592, số khung 3654GY005302 của bị hại Hồ A do Nguyễn Q trộm cắp mà có với số tiền 11.000.000 đồng. Qua điều tra, bà Nhanh không biết tài sản Q đem đến cầm là tài sản do Q trộm cắp mà có

nên không có căn cứ xem xét xử lý Trần H về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

- Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Hồ A 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-228.24, nhãn hiệu Honda, màu đỏ-đen, số máy JA36E0419592, số khung 3654GY005302, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 66H1-228, do Hồ A, sinh năm 1967, đứng tên; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ A, sinh năm 1967. Đăng ký thường trú: ấp An Lợi, xã D, thị xã R, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Riêng đối với số tiền cầm xe của chị Trần H, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Q phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần H số tiền 11.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại Hồ A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự, đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên, đồng ý bồi thường cho chị Trần H số tiền 11.000.000 đồng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đang có 1 tiền án về tội "Cướp giật tài sản", vừa chấp hành xong hình phạt vào ngày 31/8/2017. Do không có nghề nghiệp ổn định, chỉ sống bằng nghề làm thuê nhưng lại muốn nhanh có tiền để tiêu xài cá nhân mà bị cáo lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Cụ thể, vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 04/02/2018, Nguyễn Q đã lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-228.24 của ông Hồ A, cùng làm thuê trong kho bia Thành Công, sau đó đem đến khóm 2, phường Z cầm cho tiệm cầm đồ "Nhanh" do chị Trần H làm chủ với giá 11.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Căn biên bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐG, ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã R (nay là thành phố R), kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-228.24, nhãn hiệu Honda, màu đỏ-đen, số máy JA36E0419592, số khung 3654GY005302, giá trị thực tế là 14.500.000 đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Q đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố R nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt tù về tội "Cướp giật tài sản" . Đáng ra, trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải biết

suy ngẫm lại hành vi sai trái của mình, ăn năn hối cải, ra sức lao động để tìm cho mình một việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng từ công sức lao động của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà ngược lại sau khi chấp hành án xong, không chí thú làm ăn nhưng lại muốn nhanh có tiền tiêu xài, bị cáo đã tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự thiếu ý thức trong tu dưỡng rèn luyện nhân cách, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đang có 01 tiền án về tội Cướp giật tài sản, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Đối với việc bà Trần H cầm xe mô tô biển số 66H1-228.24, nhãn hiệu Honda, màu đỏ-đen, số máy JA36E0419592, số khung 3654GY005302 của bị hại Hồ A do Nguyễn Q trộm cắp mà có với số tiền 11.000.000 đồng. Qua điều tra, bà Nhanh không biết tài sản Q đem đến cầm là tài sản do Q trộm cắp mà có nên không có căn cứ xem xét xử lý Trần H về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" do đó Hội đống xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Hồ A 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-228.24, nhãn hiệu

Honda, màu đỏ-đen, số máy JA36E0419592, số khung 3654GY005302, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 66H1-228, do Hồ A, sinh năm 1967, đứng tên; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ A, sinh năm 1967. Đăng ký thường trú: ấp An Lợi, xã D, thị xã R, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Hồ A không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự. Riêng đối với số tiền cầm xe của chị Trần H, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Q phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần H số tiền 11.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[10] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: Ngày 07/9/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Q phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần H số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c

khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Q phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2023). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. R;
- Nhà tạm giữ Công an TP. R;
- Cơ quan điều tra Công an TP. R;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống